

Số: 220/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2022

## NGHỊ QUYẾT

### Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Luật, của Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên

## HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

*Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;*

*Căn cứ Quyết định số 484/QĐ-KĐCL ngày 24/6/2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc điều chỉnh, bổ sung nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;*

*Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;*

*Căn cứ Quyết định số 873/QĐ-KĐCL ngày 24/10/2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XIX của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;*

*Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Luật của Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;*

*Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại Phiên họp XIX ngày 12/11/2022 của Hội đồng,*

## QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Luật (sau đây gọi là Chương trình đào tạo) của Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo theo đúng quy định hiện hành, độc lập, khách quan, công khai, minh bạch. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Chương trình đào tạo. Nhà trường cũng đồng ý với kết quả đánh giá chất lượng của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài.

Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo cho thấy số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là **42** tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), chiếm **84%**, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (chi tiết trong *Phụ lục I*).

2. Kiến nghị Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên và Khoa Luật cần thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23, Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Luật của Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên.

**TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH**

**(Đã ký)**

**Đinh Văn Toàn**

**Phụ lục I**  
**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT**  
**CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC - ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
*(Kèm theo Nghị quyết số: 220/NQ-HĐKĐCL ngày 14 tháng 11 năm 2022*  
*của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt
<b>Tiêu chuẩn 1</b>					<b>Tiêu chuẩn 7</b>				
Tiêu chí 1.1	4	3,67	2	66,67%	Tiêu chí 7.1	4	3,80	4	80%
Tiêu chí 1.2	3				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4			
<b>Tiêu chuẩn 2</b>				Tiêu chí 7.4	4				
Tiêu chí 2.1	4	4,00	3	100%	Tiêu chí 7.5	3			
Tiêu chí 2.2	4				<b>Tiêu chuẩn 8</b>				
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	4	4,00	5	100%
<b>Tiêu chuẩn 3</b>				Tiêu chí 8.2	4				
Tiêu chí 3.1	4	3,67	2	66,67%	Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	4			
<b>Tiêu chuẩn 4</b>									
Tiêu chí 4.1	4	3,67	2	66,67%	<b>Tiêu chuẩn 9</b>				
Tiêu chí 4.2	3				Tiêu chí 9.1	4	3,80	4	80%
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.2	3			
<b>Tiêu chuẩn 5</b>				Tiêu chí 9.3	4				
Tiêu chí 5.1	4	3,60	3	60%	Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chí 5.3	3				<b>Tiêu chuẩn 10</b>				
Tiêu chí 5.4	3				Tiêu chí 10.1	4	4,00	6	100%
Tiêu chí 5.5	4	Tiêu chí 10.2	4						
<b>Tiêu chuẩn 6</b>				Tiêu chí 10.3	4				
Tiêu chí 6.1	4	3,86	6	85,71%	Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 6.2	3				Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chí 6.4	4				<b>Tiêu chuẩn 11</b>				
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.1	4	4,00	5	100%
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 6.7	4				Tiêu chí 11.3	4			
		Tiêu chí 11.4	4						
		Tiêu chí 11.5	4						
<b>Đánh giá chung CTĐT</b>		<b>Số tiêu chí đạt</b>			<b>Tỉ lệ số tiêu chí đạt</b>				
		<b>42</b>			<b>84%</b>				

**Phụ lục II**  
**CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT**  
**CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC - ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
*(Kèm theo Nghị quyết số: 220/NQ-HĐKĐCL ngày 14 tháng 11 năm 2022*  
*của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Luật (chương trình đào tạo) của Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng đối với chương trình đào tạo giai đoạn 2017-2021 cho thấy có những điểm mạnh như sau:

Mục tiêu của chương trình đào tạo về cơ bản phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học, sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường, được rà soát, cập nhật. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được các yêu cầu chung, yêu cầu chuyên biệt của ngành đào tạo, xác định được các năng lực cần có của người học. Mục tiêu và chuẩn đầu ra được định kỳ điều chỉnh, có sự tham gia của các bên liên quan và được công bố công khai đến các bên liên quan. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần có đủ các thông tin cốt lõi, được định kỳ rà soát, cập nhật. Chương trình dạy học cơ bản được thiết kế theo chuẩn đầu ra, được rà soát, điều chỉnh, có tham khảo một số chương trình đào tạo tiên tiến trong nước và ý kiến của một số bên liên quan. Chương trình dạy học có cấu trúc cân đối, cơ bản đáp ứng được yêu cầu phát triển của ngành. Hoạt động dạy - học khá đa dạng, phù hợp với chuẩn đầu ra và triết lý giáo dục. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học thực hiện đúng quy định, đảm bảo khách quan và công bằng, quy trình khiếu nại được tiếp cận dễ dàng. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ giảng viên, nhân viên được quan tâm, năng lực của đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo; kết quả thực hiện công việc được giám sát, đánh giá, ghi nhận để tạo động lực, kết quả nghiên cứu khoa học đáng ghi nhận. Chính sách tuyển sinh, tiêu chí tuyển chọn người học rõ ràng, kết quả tuyển sinh tốt. Hoạt động hỗ trợ người học, hoạt động thực hành, thực tế, ngoại khóa, được chú trọng. Cơ sở vật chất và trang thiết bị thực hành được đầu tư, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu, đặc biệt là các đầu tư hạ tầng công nghệ, chuyển đổi số nâng cấp cơ sở hạ tầng mạng internet, wifi ... nhằm nâng cao hiệu quả quản lý. Cảnh quan môi trường sạch, đẹp; điều kiện vệ sinh, an ninh, an toàn được cải tiến đáp ứng yêu cầu các bên liên quan. Hệ thống phản hồi lấy ý kiến của các bên liên quan được triển khai thực hiện; việc rà soát chương trình đào tạo, quá trình dạy - học và kiểm tra đánh giá được thực hiện theo quy định và theo kế hoạch, kết quả lấy ý kiến các bên liên quan được tiếp thu để cập nhật chương trình đào tạo; quy trình xây dựng ngân hàng câu hỏi thi khá chặt chẽ, bước đầu phân tích kết quả thi để đánh giá hiệu quả của đề thi và hình thức thi hết học phần nhằm cải tiến chất lượng. Tỷ lệ sinh viên có việc làm cao, đáp ứng nhu cầu nhân lực của địa phương. Mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với chương trình đào tạo khá cao. Kết quả được đối sánh cải tiến chất lượng.

Tuy nhiên, chương trình đào tạo còn những điểm tồn tại cần khắc phục (cụ thể chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường và Khoa Luật cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Xem xét điều chỉnh mục tiêu của chương trình đào tạo để tăng tính tương thích với sứ mạng của Trường về “đào tạo chất lượng cao; năng lực khởi nghiệp và hội nhập quốc tế”; rà soát điều chỉnh mục tiêu phù hợp hơn với đặc điểm của phân khúc thị trường; cần điều chỉnh chuẩn đầu ra ngoại ngữ để tuân thủ quy định trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam; nên nghiên cứu xây dựng hệ thống chỉ số/chỉ báo cho các chuẩn đầu ra để thuận lợi cho việc đo lường mức đạt được một cách chính xác; cần tăng cường lấy ý kiến các bên liên quan theo hướng tăng dung lượng mẫu, đa dạng thành phần, đặc biệt bổ sung khảo sát nhà tuyển dụng/sử dụng lao động là các cơ quan nhà nước, các tổ chức XH, hội nghề nghiệp; đa dạng hình thức khảo sát ý kiến như thông qua toạ đàm, seminar, phỏng vấn chuyên gia chuyên môn... đồng thời, tăng cường thu thập các thông tin về nhu cầu thị trường lao động qua các nguồn thông tin khác như các văn bản về chiến lược phát triển ngành, phát triển kinh tế-xã hội của Tỉnh, vùng, miền và cả nước.

2. Điều chỉnh các thông tin chưa chuẩn xác và bổ sung thêm một số thông tin cho Bản mô tả chương trình đào tạo như tiêu chí tuyển sinh, điều kiện tiên quyết của học phần trong mục chương trình dạy học; rà soát các đề cương chi tiết học phần để khắc phục sự không thống nhất và bổ sung thêm các thông tin còn thiếu, đặc biệt, cần cập nhật, bổ sung tài liệu học tập để đảm bảo có thể giúp đạt chuẩn đầu ra của học phần; không nên yêu cầu sinh viên tham khảo đề cương học phần của các cơ sở đào tạo khác để đảm bảo việc thực hiện kế hoạch học tập đặc trưng của Trường. Công bố toàn bộ Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần trên website của Trường và của Khoa để các bên liên quan thuận tiện hơn trong việc tham khảo.

3. Rà soát lại các ma trận đảm bảo sự gắn kết/tương thích giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, các vị trí việc làm dự kiến với chuẩn đầu ra của học phần với các tổ hợp phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá; cần nghiên cứu bổ sung một số học phần cho khối kiến thức chuyên ngành, tăng kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu của hội nhập quốc tế; hợp lý hóa nội dung của các khối kiến thức, điều chỉnh các nội dung còn chưa phù hợp của chương trình dạy học, đa dạng hoá thêm các hình thức tổ chức dạy - học và kiểm tra đánh giá của các học phần đảm bảo tính tương thích cao nhất. Dựa trên phân tích, lựa chọn các ý kiến của các bên liên quan, đặc biệt là các nhà sử dụng lao động, các chuyên gia và kết quả đối sánh với các chương trình đào tạo tiên tiến trong và ngoài nước để rà soát, điều chỉnh cập nhật chương trình dạy học.

4. Thiết kế chương trình dạy học theo hướng thể hiện rõ nét hơn triết lý “hội nhập”; nghiên cứu bổ sung thêm thời lượng cho các đợt thực tế chuyên môn của sinh viên và lựa chọn thời điểm thích hợp để hoạt động thực tế chuyên môn được hiệu quả; xây dựng và triển khai cơ chế đăng ký học tập để giúp cho sinh viên có cơ hội được lựa chọn học phần và lựa chọn tiến độ học tập phù hợp với nhu cầu và năng lực; xây dựng Phòng diễn án thiết kế theo đúng quy định của Thông tư 01/2017/TT-TANDTC để đảm bảo chất lượng của hoạt động thực hành diễn án; cải tiến hoạt động học tập các học kỳ cuối theo hướng giao các dự án, nhiệm vụ mang tính thực tiễn để sinh viên có cơ hội thực hành liên kết các kiến thức của nhiều học phần nhằm giải quyết công việc thực tiễn ngành Luật; cần rà soát bổ sung thông tin học liệu và có hướng dẫn sinh viên tương thích với nội dung học phần; cần tạo thêm cơ hội cho sinh viên rèn luyện các kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày, thuyết phục, ...

5. Có hướng dẫn thống nhất về thiết kế phương pháp đánh giá chuyên cần, giữa kỳ, hình thức thi kết thúc học phần; quan tâm năng lực tự chủ và trách nhiệm, phẩm chất đạo đức tương

ứng với mức độ đạt được chuẩn đầu ra của học phần và chương trình đào tạo; khuyến khích các bộ môn đa dạng hóa các hình thức thi để đảm bảo đo được đầy đủ mức độ đạt CDR của người học; tổ chức phân tích, đánh giá đề thi, kết quả bài thi sử dụng các phương pháp khảo thí hiện đại, xác định độ tin cậy và giá trị của đề thi, hình thức thi; kịp thời phân tích, xử lý các trường hợp bất thường trong đánh giá kết quả học tập của người học nhằm tìm ra nguyên nhân và kịp thời có những biện pháp thích hợp; tăng cường cơ sở vật chất cho Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục như phòng chấm thi tập trung, nơi bảo quản ngân hàng đề thi, ...; xây dựng hướng dẫn và quy trình niêm phong và quản lý đảm bảo tính bảo mật của ngân hàng đề thi; có quy định về việc công bố đáp án thi cho sinh viên sau khi thi xong để tự đánh giá năng lực của bản thân, từ đó có kế hoạch cải tiến việc học tập; đôn đốc và có chế tài đối với các học phần không công bố kết quả thi đúng thời gian quy định của Trường.

6. Nghiên cứu điều chỉnh Đề án vị trí việc làm, trong đó xác định các năng lực phù hợp với yêu cầu của chương trình đào tạo để phục vụ hiệu quả hơn nữa cho công tác quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng và phát triển đội ngũ; nghiên cứu mời thỉnh giảng hợp lý các giảng viên đáp ứng yêu cầu và kinh nghiệm thực tiễn tham gia giảng dạy; điều chỉnh cách thức phân công và giám sát lượng công việc của giảng viên để tránh tình trạng quá tải ở một số giảng viên và để đảm bảo yêu cầu chuyên môn; xây dựng quy định và hướng dẫn, quy đổi khối lượng công việc phục vụ cộng đồng đối với giảng viên; xây dựng bộ chỉ số đánh giá năng lực, kết quả công việc của giảng viên phù hợp với vị trí việc làm; điều chỉnh chính sách hỗ trợ, khuyến khích giảng viên chuyên môn sâu của chương trình đào tạo đi học tiến sĩ và công bố quốc tế; chú trọng các hoạt động bồi dưỡng tập huấn về khoa học giáo dục.

7. Kịp thời cập nhật quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, viên chức và người lao động theo quy định mới của Nhà nước; cụ thể hóa Khung năng lực trong Đề án Vị trí việc làm thành tiêu chí đánh giá năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng giải quyết công việc của nhân viên; triển khai và sử dụng có hiệu quả ý kiến đánh giá, phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên, đặc biệt là giáo viên chủ nhiệm kiêm cố vấn học tập và trợ lý khoa; có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên gắn với từng vị trí việc làm cụ thể; cần quy định và có cơ chế giám sát, kiểm tra việc xây dựng và đánh giá thực hiện, có khảo sát sự hài lòng của đội ngũ nhân viên về đánh giá và thực hiện thi đua khen thưởng để cải tiến.

8. Định kỳ lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chính sách tuyển sinh, có chính sách đặc biệt để thu hút thí sinh xuất sắc vào học; phân tích, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực cần cung cấp cho thị trường lao động phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Trường, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; khảo sát hằng năm lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên và cựu sinh viên về tính rõ ràng, phù hợp của phương pháp và tiêu chí tuyển chọn người học của chương trình đào tạo; làm tốt hơn nữa công tác cảnh báo học vụ theo từng học kỳ, thông báo kết quả học tập để giúp người học điều chỉnh kế hoạch/thời gian học tập phù hợp; xây dựng công cụ phân tích cơ sở dữ liệu kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên và định kỳ khảo sát mức độ hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm, cũng như về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường, Khoa để cải tiến; đẩy mạnh và đa dạng hoá công tác hướng nghiệp, khơi dậy lòng yêu nghề, hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho sinh viên theo Thông tư 07/2022/TT-BGDĐT; nâng cao năng lực ngoại ngữ và kỹ năng mềm, đẩy mạnh việc truyền tải tinh thần đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp cho sinh viên.

9. Xem xét tối ưu hóa phòng làm việc và phòng thực nghiệm, trang thiết bị; cải tiến cơ chế quản lý vật tư, thiết bị, trang thiết bị khi phân cấp tới các bộ môn; quy hoạch khu vực đỗ xe ô tô và nhà xe cho cán bộ và sinh viên; có hệ thống biển báo, chỉ dẫn, đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường; nên xem xét thiết kế hệ thống phủ sóng mạng wifi phù hợp theo địa hình từng khu vực nhằm tăng hiệu suất sử dụng; đẩy mạnh đổi mới phương thức giảng dạy kết hợp; đẩy mạnh tiến độ xây dựng bài giảng điện tử; tăng cường giám sát dịch vụ bảo vệ, vệ sinh để đảm bảo chất lượng dịch vụ trong khuôn viên trường và khu vực ký túc xá; có hệ thống và cơ chế xử lý thông tin phù hợp, nhằm cải tiến chất lượng các công tác này.

10. Tăng cường phổ biến tuyên truyền, nâng cao nhận thức và ý thức của mọi cán bộ, giảng viên, người học về các hoạt động đảm bảo chất lượng nói chung và các hoạt động khảo sát, thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan nói riêng; cần tiếp tục cải tiến công tác lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan phục vụ cho việc rà soát chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo: mở rộng có chọn lọc phạm vi và đối tượng khảo sát trên cơ sở phân tích cơ sở dữ liệu về việc làm của sinh viên tốt nghiệp; chuẩn hoá bộ công cụ khảo sát đảm bảo độ giá trị và tin cậy; áp dụng các kỹ thuật phân tích kết quả khảo sát kết hợp định lượng và định tính để cung cấp các thông tin hữu ích cho việc điều chỉnh chuẩn đầu ra và chương trình dạy học; định kỳ thực hiện khảo sát chuyên đề về chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Trường; tăng cường thu thập thông tin qua các câu hỏi mở; phân tích sâu kết quả khảo sát để xác định chính xác những tồn tại cần xử lý, nâng cao mức độ hài lòng của các bên liên quan. Cần có các chính sách cụ thể để khuyến khích cán bộ, giảng viên và người học thực hiện các đề tài nghiên cứu giúp cải thiện việc dạy - học như cập nhật nội dung học phần, bổ sung học liệu, cải tiến phương pháp dạy và phương pháp học.

11. Cần có sự điều chỉnh và cập nhật chương trình đào tạo theo hướng mở, linh hoạt và liên ngành để đáp ứng nhu cầu của người học và các nhà tuyển dụng, đặc biệt là yêu cầu thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và yêu cầu ngày càng cao của các nhà tuyển dụng khu vực tư nhân và liên doanh; quan tâm đến đào tạo cá thể hóa và năng lực học tập suốt đời. Văn hóa khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo (nhất là các đổi mới sáng tạo xã hội) cần được thúc đẩy mạnh mẽ để tăng cường khả năng thích ứng của công dân trong kỷ nguyên mới để khắc phục các điểm hạn chế của sinh viên chương trình đào tạo ngành Luật hiện nay về sự kết hợp hàn lâm và thực tiễn; phối hợp và triển khai tốt môn học Khởi nghiệp vào giảng dạy để ứng dụng và thực hành; quan tâm đến việc quản trị kết quả đầu ra đối với chương trình đào tạo có tỷ lệ sinh viên dân tộc thiểu số cao.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp tổng hợp. Nhà trường, Khoa Luật cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài chương trình đào tạo của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Luật gửi cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.

-----